

MỐI QUAN HỆ GIỮA SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN THỰC PHẨM CỦA NÔNG DÂN VỚI CÁC DOANH NGHIỆP VÀ HIỆP HỘI NGÀNH HÀNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN HỮU TÀI*

Việt Nam là một trong những nước có điều kiện tự nhiên thuận lợi để sản xuất ra nhiều loại nông sản thực phẩm (NSTP) có giá trị kinh tế cao. Trong những năm qua, NSTP của Việt Nam phát triển với tốc độ cao, được xuất khẩu với số lượng lớn sang nhiều nước trên thế giới. Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu nông - lâm sản đạt khoảng 8 tỷ Đô la Mỹ (USD), chiếm 25% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của cả nước. Kinh doanh hàng NSTP đã và đang được nhiều doanh nghiệp quan tâm, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Sản xuất kinh doanh NSTP đã tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động nông nghiệp vì các sản phẩm này chủ yếu do họ sản xuất ra.

Ở Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến những bất cập của hệ thống tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ NSTP. Tuy vậy, đến nay chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào đề cập một cách sâu sắc, toàn diện đến hệ thống sản xuất, chế biến và tiêu thụ NSTP ở Việt Nam *dưới góc độ lợi ích của cả chuỗi giá trị*. Trong phạm vi bài này, với tư cách là một người hoạt động thực tiễn, tác giả cố gắng nêu lên một số đặc trưng, hạn chế trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng NSTP của Việt Nam, đồng thời, phân tích nguyên nhân và đưa ra một số kiến nghị chính sách nhằm

hạn chế những bất cập và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng NSTP của Việt Nam trong thời gian tới.

1. Nhìn lại lịch sử phát triển mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản thực phẩm của nông dân với các doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng

Ở Việt Nam, các vùng chuyên canh NSTP tập trung đã được hình thành từ lâu, từ giai đoạn hình thành các đồn điền, các “vựa” NSTP thời Pháp thuộc và thời kỳ xây dựng các nông trường quốc doanh sau hoà bình lập lại ở Miền Bắc và sau giải phóng đất nước ở Miền Nam. Cùng với việc đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến tại các nông trường quốc doanh, hoặc sáp nhập các cơ sở chế biến vào các nông trường quốc doanh, đã hình thành các xí nghiệp liên hợp nông - công nghiệp mà phổ biến nhất là trong giai đoạn 1980-1990. Cùng với việc quy hoạch đất đai cho các doanh nghiệp trực tiếp tổ chức sản xuất NSTP, Nhà nước còn quy hoạch vùng đất của nông dân trên địa bàn, giao cho các xí nghiệp trực tiếp đầu tư, các hộ gia đình nông dân sản xuất và cung ứng NSTP cho xí nghiệp một cách ổn định. Tại thời điểm đó, ở Yên Bái có cả làng, cả bản

* Tiến sỹ kinh tế, Phó tổng giám đốc Tổng công ty Chè Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

xin gia nhập vào Xí nghiệp Liên hợp Nông - Công nghiệp chè Trần Phú. Còn ở nhiều vùng sản xuất NSTP khác, chủ yếu do tự phát, nông dân sản xuất NSTP theo điều kiện phù hợp với đất đai và tiểu khí hậu... và theo phong trào.

Mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản thực phẩm của nông dân với các doanh nghiệp cũng đã được hình thành khá lâu và đã hoạt động tương đối hiệu quả ở nhiều thời kỳ. Trước năm 1975, tại Miền Nam, đã có nhiều mô hình sản xuất NSTP khá bền vững nhờ có sự gắn kết giữa các doanh nghiệp thu mua, chế biến và tiêu thụ với nông dân sản xuất NSTP. Tại khu vực Sài Gòn, đã có nhiều mô hình "Vườn - Vựa". Các "miệt vườn" ở nông thôn chuyên lo trồng trái cây, các "Vựa" ở thành phố chăm lo việc tiêu thụ. Họ gắn bó chặt chẽ với nhau. Các "Vựa" ở thành phố có vốn, đi lại nhiều, có nhiều thông tin, đã giúp các "Vườn" về kĩ thuật canh tác, giống mới, hỗ trợ vốn đầu tư cho các "Vườn". Các "Vườn" giúp các "Vựa" đảm bảo số lượng, chất lượng, chủng loại, đóng gói NSTP. Họ không phải mặc cả nhau, tranh giành khách hàng của nhau trong việc mua, bán. Hơn thế, những kỳ nghỉ hè con cháu các "Vựa" còn về nông thôn nghỉ hè, kỳ học đến con cháu các "Vườn" lại được các "Vựa" chăm lo ở thành phố.

Như vậy, thông qua "bàn tay vô hình" mà người nông dân và doanh nghiệp đã thiết lập được mối quan hệ khăng khít, bền vững trên cơ sở phân công chuyên môn hoá cao, đồng thời hợp tác với nhau một cách chặt chẽ, cùng phát triển bền vững.

Sau khi Miền Nam hoàn toàn được giải phóng, nhất là giai đoạn 1979-1989, với sự giúp đỡ của Liên Xô và một số nước Đông Âu, ngành sản xuất và chế biến NSTP đã khởi sắc với việc hình thành và đầu tư cho các tổ hợp nông - công nghiệp, trong đó các xí nghiệp nông - công nghiệp sản xuất và chế biến NSTP vừa trực tiếp quản lý các nông trường quốc doanh, vừa tham gia quản lý hệ thống các hộ gia đình nông dân cung ứng nguyên liệu - như đã trình bày ở

trên. Các doanh nghiệp thường chỉ tự sản xuất đáp ứng cho công nghiệp chế biến đạt khoảng 50-70% nguyên liệu, còn 30%-50% nguyên liệu là do các hộ gia đình nông dân sản xuất và cung ứng. Mỗi xí nghiệp được Nhà nước quy hoạch cụ thể về đất đai để tự sản xuất và quy hoạch vùng dân. Các hộ gia đình đã được coi là các vệ tinh của doanh nghiệp. Các hộ gia đình nông dân trong vùng nguyên liệu của xí nghiệp được tổ chức thành các hợp tác xã chuyên canh sản xuất NSTP. Các doanh nghiệp chế biến NSTP coi bà con nông dân như chính các thành viên trong doanh nghiệp của mình. Lúc này, sự khác nhau giữa nông trường viên với nông dân chỉ là nông dân không tham gia đóng bảo hiểm xã hội và không sinh hoạt công đoàn mà thôi. Các xí nghiệp nông - công nghiệp thực sự là những điểm sáng của nền kinh tế nông nghiệp nước ta, là trung tâm kinh tế - văn hoá, là biểu tượng cụ thể của liên minh công - nông và mối đoàn kết các dân tộc trên cùng địa bàn, đặc biệt là địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc ít người.

Điều đáng tiếc là lúc đó điều kiện về hạ tầng kỹ thuật của các vùng chuyên canh NSTP còn quá thấp kém, nhất là về thông tin liên lạc, giao thông, thuỷ lợi; trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ còn nhiều hạn chế, cộng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, nhất là trong phân phối thông qua giá chỉ định. Giai đoạn sau đó, nhiều nhân tố đã huỷ hoại nhiều mô hình phát triển sản xuất kinh doanh NSTP bền vững như: (i) cơ chế "bung ra" - tự do hoá thương mại, tự do hoá đầu tư - không theo một quy hoạch, một kế hoạch dài hạn cụ thể; (ii) qui định của pháp luật "được phép làm những gì mà luật pháp không cấm" bị lợi dụng và hiểu sai, trong khi đó, luật pháp và những chế tài cần thiết cho một ngành hàng cụ thể có cơ hội ổn định và phát triển thì đang trong quá trình hình thành.

Tuy nhiên, đến nay vẫn còn nhiều mô hình chứng minh cho sức sống mãnh liệt của mô hình liên kết nông - công nghiệp,

liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân. Mặc dù đã được thay tên, đổi chủ nhưng những mô hình như: Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn (Thanh Hoá), Nông trường Sông Hậu (Hậu Giang), Công ty Chè Mộc Châu (Sơn La), Công ty Cổ phần Chè Liên Sơn (Yên Bái), Công ty Đầu tư Phát triển Chè Nghệ An (Nghệ An) và còn một số mô hình khác trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng NSTP của Việt Nam đã và đang tạo nên sự liên kết cùng phát triển bền vững giữa doanh nghiệp với nông dân.

Mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản thực phẩm của nông dân với các doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng có sự cải thiện nhất định. Từ những năm 1980, theo Chương trình đẩy mạnh sản xuất lương thực - thực phẩm của Đảng và Chính phủ, cùng với sự giúp đỡ của Liên Xô và một số nước Đông Âu, ngành sản xuất và chế biến NSTP đã có bước tăng trưởng rất đáng kể. Để ngăn chặn những mâu thuẫn nảy sinh giữa kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, giữa quản lý kinh tế theo ngành kinh tế - kỹ thuật của các bộ chuyên ngành với quản lý kinh tế theo địa phương và vùng lãnh thổ của các tỉnh, thành phố trong ngành NSTP, đồng thời, phát huy được sức mạnh của toàn ngành, tập trung được nguồn lực, huy động được khối lượng NSTP lớn để thực hiện chương trình xuất khẩu, Chính phủ đã thành lập các hội đồng sản xuất - kinh doanh theo từng ngành hàng trên phạm vi cả nước, mà nòng cốt là các doanh nghiệp lớn của ngành đó. Trước hết là các hội đồng sản xuất - kinh doanh ở ngành chè, cà phê, dầu thực vật, rau quả-đồ hộp. Các hội đồng đã tập hợp được hầu hết các doanh nghiệp sản xuất, kể cả một số hợp tác xã chuyên canh lớn trong ngành hàng để cùng nhau bàn cách làm ăn, phổ biến kinh nghiệm quản lý, tiến bộ khoa học kỹ thuật, phân chia các nguồn lực mà Nhà nước giành cho toàn ngành, phân chia thị phần xuất khẩu...

Sau một thời gian hoạt động, nhất là giai đoạn chuyển sang thời kỳ Đổi mới kinh tế,

các hội đồng sản xuất - kinh doanh theo từng ngành hàng NSTP đã dần dần chuyển thành các hiệp hội ngành hàng. Những ngành hàng trước đó chưa có hội đồng thì thành lập hiệp hội ngành hàng mới mà nòng cốt cũng là những doanh nghiệp có quy mô lớn, có hệ thống sản xuất, chế biến, tiêu thụ. Phần lớn thành viên của các hiệp hội là những doanh nghiệp chế biến có gắn với sản xuất nguyên liệu. Dần dần có một số doanh nghiệp chế biến gắn với xuất khẩu tham gia hiệp hội ngành hàng.

Đến nay, tất cả các ngành hàng sản xuất, chế biến NSTP đều đã có hiệp hội riêng của mình. Sau khi thực hiện cơ chế khoán, giao đất cho các hộ gia đình, các hợp tác xã tan rã hoặc có tồn tại một cách hình thức, thì bắt đầu vắng bóng đại diện của nông dân trên diễn đàn của các hiệp hội ngành hàng. Lúc này, bà con nông dân nguyên là các xã viên các hợp tác xã chuyên canh thì "mạnh ai người nấy làm". Những hộ khá giả, có điều kiện thì tự mở lò chế biến NSTP. Nhiều nơi, chính quyền còn khuyến khích, hỗ trợ về tài chính. Có thể nói, đã có hàng vạn lò chế biến NSTP thủ công, bán cơ giới đã ra đời trong thời kỳ này. Đến nay số lò chế biến nhiều hơn, nhưng hoạt động không hiệu quả vì chất lượng xấu, khó tiêu thụ và hầu như chưa thấy hộ gia đình nào tham gia hiệp hội.

Tóm lại, trong thời gian qua, có nhiều hiệp hội ngành hàng đã phát huy được vai trò của mình trong việc tuyên truyền, vận động, cung cấp cho các hội viên các thông tin kinh tế - kỹ thuật theo chuyên ngành nhằm góp phần giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm; chủ trì thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, nâng cao vị thế ngành mình trên thị trường trong và ngoài nước. Thông qua hoạt động của mình, các hiệp hội ngành hàng đã có những tác động tích cực đến bà con nông dân, mang lại một phần lợi ích cho họ thông qua lợi ích chung của chuỗi giá trị.

2. Một số đặc trưng và hạn chế trong hệ thống sản xuất, chế biến và tiêu thụ NSTP

Tuy đã có những tiến bộ nhất định, hệ thống sản xuất, chế biến và tiêu thụ NSTP Việt Nam, do ảnh hưởng của điều kiện lịch sử, trình độ phát triển kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng, vẫn còn một số hạn chế. Các đặc trưng cơ bản được thể hiện dưới nhiều khía cạnh khác nhau.

Một là, NSTP do nông dân cung ứng thường chiếm tỷ trọng rất cao trong nông sản nguyên liệu của các doanh nghiệp, do vậy, ổn định về chất lượng và số lượng có ý nghĩa quyết định đến chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt khác, doanh nghiệp chế biến là nơi tiêu thụ chủ yếu NSTP cho nông dân, cho nên sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp chế biến NSTP đóng vai trò lớn đến phương hướng sản xuất và hiệu quả đầu tư vào sản xuất NSTP của nông dân. Vì thế, có thể nói quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ NSTP của nông dân với các doanh nghiệp là mối quan hệ hữu cơ, các bên cùng có lợi, cùng tồn tại, phát triển.

Hai là, hệ thống tổ chức sản xuất trong ngành NSTP nói riêng và nền nông nghiệp Việt Nam nói chung vẫn còn trong tình trạng nhỏ lẻ, phân tán và manh mún. Điều này có nghĩa là khó tổ chức kinh doanh với quy mô lớn, áp dụng công nghệ sinh học hiện đại, cũng như kỹ thuật canh tác tiên tiến trên cơ sở cơ giới hoá, thuỷ lợi hoá, bảo vệ thực vật tập trung. Hơn nữa, nhiều nơi không có quy hoạch cụ thể, mà nếu có thì người nông dân cũng khó tiếp cận. Tại nhiều địa phương, nông dân đã tạo ra những sản phẩm mang tính đặc sản, nhưng do có quy mô nhỏ, chưa đủ hấp dẫn để các doanh nghiệp đầu tư hệ thống kho chứa, bảo quản, nhà máy chế biến hoặc mở kênh tiêu thụ, mà chủ yếu do thương lái giúp đỡ trên cơ sở bất bình đẳng, do vậy, họ gặp nhiều rủi ro và thường phải tự gánh chịu.

Ba là, sản xuất NSTP có tính thời vụ cao, kể cả cây công nghiệp ngắn ngày và dài

ngày, vì thế, nếu chuyên canh sản xuất một loại cây thì tính thời vụ sẽ càng cao, dẫn đến thiếu việc làm khi hết vụ. Thực tế cho thấy việc cải tạo các vườn tạp thành vùng chuyên canh NSTP hàng hoá là khó khăn. Mặt khác, cũng do thiếu thông tin, nhu cầu đặt hàng cụ thể từ các doanh nghiệp, đã có nhiều nơi nông dân đổ xô vào đầu tư sản xuất một loại NSTP khi thấy nơi khác đã làm có hiệu quả cao. Khi cung hàng hoá quá nhiều, tràn ngập không tiêu thụ hết, giá hạ, hàng ứ đọng người nông dân lại phải bán tống, bán tháo, gây ra nợ nần chồng chất. Chính vì vậy, *vòng luẩn quẩn của nông dân*: trồng - chặt bỏ - trồng lại - chặt bỏ... đang diễn ra phổ biến nhiều nơi.

Bốn là, giá trị gia tăng của hàng NSTP Việt Nam là rất thấp do nông sản xuất khẩu của Việt Nam là hàng thô, có giá thấp hơn giá hàng tinh chế, đã đóng gói tới 5 - 10 lần. Hơn nữa, số lượng và chất lượng NSTP của Việt Nam vẫn chưa ổn định, do vậy, số lượng phụ thuộc lớn vào các doanh nghiệp nhập khẩu của nước ngoài, còn giá cả thì phải chịu mức giá chấp nhận (bị áp đặt). Tuy sản lượng NSTP lớn, kim ngạch xuất khẩu có tăng, nhưng do tốc độ tăng sản lượng NSTP Việt Nam nhanh hơn nhiều so với tốc độ tăng xuất khẩu, nên giá bán ngày càng giảm. Đặc biệt, sức cạnh tranh của NSTP Việt Nam còn thấp do giá thành NSTP có xu thế tăng cao, có liên quan tới xu thế là giá nguyên liệu đầu vào tăng nhanh, năng suất cây trồng tăng vừa phải, còn năng suất lao động tăng không đáng kể, thậm chí không tăng. Điều này diễn ra ở hầu hết các ngành hàng khác nhau, từ NSTP là lương thực đến cây công nghiệp ngắn ngày và cây công nghiệp dài ngày.

Năm là, vẫn còn sự mất cân đối dai dẳng giữa cung và cầu về nguyên liệu do người nông dân sản xuất ra với việc thu mua, bảo quản chế biến của các doanh nghiệp, cũng như thị trường xuất - nhập khẩu NSTP trong nước. Hiện tượng tranh mua, đẩy giá lên, tranh bán ép giá xuống là vấn đề diễn ra thường xuyên ở nhiều nơi, nhiều lúc cả

tại thị trường trong nước và ngoài nước. Điều đó đang gây bất lợi cho cả người nông dân sản xuất NSTP, các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ và cả nền kinh tế nước nhà.

Sáu là, trong chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh ngành hàng NSTP, tỷ suất lợi nhuận tương đối nhỏ ở khu vực sản xuất, tăng dần ở khu vực chế biến và lớn nhất ở khu vực thương mại. Cả 3 lĩnh vực sản xuất - chế biến - tiêu thụ có gắn bó hữu cơ với nhau trong một chuỗi giá trị. Khi có thuận lợi về thị trường thì các doanh nghiệp tranh nhau mua, nông dân thì tranh thủ tận thu NSTP đến kiệt quệ cây trồng và đất đai, hoặc đổ xô vào đầu tư bằng mọi giá. Khi này, thường là nông dân không bán NSTP cho doanh nghiệp đã đầu tư cho mình mà vẫn không bị coi là vi phạm hợp đồng vì hợp đồng quy định là giá thỏa thuận. Tình trạng này làm cho doanh nghiệp đầu tư cho nông dân không những không mua được NSTP mà còn có thể bị nông dân kiện ra toà.

Tuy nhiên, khi thị trường khó khăn thì các doanh nghiệp không có vùng nguyên liệu lập tức thu hẹp quy mô sản xuất, chỉ lựa chọn NSTP chất lượng tốt, hoặc ngừng chế biến, dừng hợp đồng lao động, chuyển sang kinh doanh lĩnh vực khác, hoặc nghỉ chờ thời thế. Khó khăn nhất là doanh nghiệp làm ăn chân chính có đầu tư lớn, xây dựng thương hiệu, chăm lo hệ thống tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong doanh nghiệp, có đội ngũ cán bộ, công nhân đông đảo, lành nghề với hệ thống khuyến nông, đầu tư cho nông dân một cách hệ thống. Bị sức ép từ mọi phía vì không tiêu thụ hết NSTP cho nông dân, các doanh nghiệp làm ăn chân chính phải mở rộng quy mô chế biến một cách nhất thời để rồi, khi NSTP "được" giá, họ lại là người chứng kiến nông dân bán nguyên liệu cho các doanh nghiệp khác... Cứ thế, cái vòng luẩn quẩn cứ lặp đi, lặp lại.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan gây ra những hạn chế của hệ thống

sản xuất kinh doanh hàng NSTP Việt Nam trước đòi hỏi sản xuất, kinh doanh một cách có hiệu quả và bền vững trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nguyên nhân rất quan trọng và trực tiếp là hiện nay còn có *nhiều vùng chưa thiết lập được mối quan hệ gắn bó, lâu dài, bền vững giữa các hộ nông dân sản xuất NSTP với các doanh nghiệp thu mua, chế biến NSTP ở trên từng địa bàn; cũng như chưa phát huy hết vai trò của các hiệp hội ngành hàng để điều tiết chung các hoạt động sản xuất, chế biến và tiêu thụ NSTP trên phạm vi cả nước để thích ứng với quan hệ cung cầu trên phạm vi quốc gia, khu vực cũng như thị trường thế giới.*

Nguyên nhân cơ bản đã phá vỡ các mối liên kết bền vững đã được tạo dựng giữa các hộ gia đình nông dân sản xuất với các doanh nghiệp chế biến NSTP là do chính quyền địa phương thiếu quy hoạch cụ thể vùng nguyên liệu cho từng doanh nghiệp chế biến. Như đã nêu, sản xuất NSTP có tính thời vụ cao, chu kỳ sản xuất sản phẩm thường ngắn, thường có hình parabol hoặc hình sin. Do đó, khi một nhà máy được gắn với một vùng nguyên liệu cụ thể thì tính thời vụ trong nông nghiệp sẽ dẫn đến tình trạng các nhà máy chế biến không có nguyên liệu khi chưa đến vụ và thiếu nguyên liệu tại thời điểm đầu và cuối vụ, chỉ chính vụ mới được đáp ứng đủ. Khi đầu vụ và cuối vụ đủ nguyên liệu thì chắt chắt vào lúc chính vụ các nhà máy chế biến NSTP sẽ dư thừa nguyên liệu. Trên thực tế, nếu các nhà máy chế biến NSTP sản xuất đạt 30 - 50% công suất thiết kế/năm là có thể coi là đã đủ nguyên liệu. Trong ngành chè, hệ số không đồng đều (tính thời vụ) là 2 - có nghĩa là một nhà máy với một vùng nguyên liệu cụ thể thì công suất thiết bị chỉ đạt 50%/năm. Tuy nhiên, tiến bộ về công nghệ sinh học đã tạo được một số giống mới trái vụ, cùng với phương pháp canh tác cá biệt sẽ hạn chế bớt tính thời vụ trong sản xuất NSTP. Điều đó có thể cho phép nâng cao công suất sử dụng thiết bị của doanh nghiệp chế biến

NSTP. Nhưng về cơ bản các doanh nghiệp chế biến NSTP phải chấp nhận tính thời vụ, nhất là các nhà máy có quy mô lớn, đầu tư nhà xưởng, thiết bị, công nghệ càng hiện đại thì rủi ro, thiệt hại càng lớn.

Một doanh nghiệp khắc phục được tính thời vụ thì sẽ tạo ra hiệu quả cao hơn hẳn doanh nghiệp bị tính thời vụ của NSTP chi phối. Đây là cơ sở kinh tế để ra đời một loại doanh nghiệp mới; đó là doanh nghiệp nhỏ, có công suất chế biến NSTP vừa đủ đáp ứng sản lượng NSTP đầu và cuối vụ, còn chính vụ thì đương nhiên là đủ, nhưng với điều kiện là doanh nghiệp này phải nằm “sát nách”, ngay trên vùng nguyên liệu sẵn có, thậm chí có cự ly vận chuyển nguyên liệu còn gần hơn nhiều so với các doanh nghiệp lớn mà họ đã dày công đầu tư cho vùng nguyên liệu vì địa hình vùng nguyên liệu thường được hình thành theo kiểu da báo.

Trong cơ chế thị trường, theo quy luật lợi nhuận, các nhà đầu tư sẽ đầu tư vào các lĩnh vực có tỷ suất và quy mô lợi nhuận cao nhất. Trong ngành NSTP, như đã đề cập, tỷ suất lợi nhuận cao nhất thường là ở công đoạn thương mại, tiếp đến là chế biến, cuối cùng là sản xuất. Tuy nhiên, trong năm qua, tốc độ phát triển các doanh nghiệp chế biến NSTP lại là cao nhất, đặc biệt là các NSTP xuất khẩu. Trên thực tế thì các doanh nghiệp xuất khẩu có tỷ suất lợi nhuận cao hơn các doanh nghiệp chế biến, nhưng không phải nhà đầu tư nào cũng có đủ trình độ, nhất là trình độ ngoại ngữ và các điều kiện cần thiết khác để đầu tư vào lĩnh vực này. Do đó, nhiều nhà đầu tư đã chọn lĩnh vực chế biến có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn nhưng dễ làm mà cũng ít rủi ro hơn khi phải “bươn chải” trên thị trường quốc tế đầy biến động. Lĩnh vực tiêu thụ, mà chủ yếu là xuất khẩu tập trung phần lớn ở các thành phố lớn và thường là việc của những người đã từng kinh qua công tác xuất nhập khẩu ở doanh nghiệp khác trưởng thành nên, hoặc là những người được đào tạo nghiệp vụ và có tiềm lực về vốn bằng tiền và mối quan hệ khách hàng.

Còn lĩnh vực sản xuất thì thường là việc của nhà nông, vì họ cũng không còn con đường nào khác ngoài việc phải gắn bó với đồng ruộng. Tuy vậy, nếu có cơ hội, những nông dân khá giả cũng sẵn sàng rời bỏ sản xuất để tiến sang lĩnh vực khác có tỷ suất lợi nhuận cao hơn hoặc có thể chuyển đến các khu đô thị để sinh sống.

Các nhà đầu tư chế biến NSTP lúc đầu chủ yếu là những người từng làm việc trong các doanh nghiệp làm ăn bài bản, đã tích lũy được một số vốn và kinh nghiệm. Vấn đề quan trọng là họ đã phát hiện ra và lợi dụng cơ hội có các doanh nghiệp lớn, làm ăn bài bản và đã đầu tư sẵn vùng nguyên liệu, sản phẩm. Họ thì chỉ cần sơ chế và đưa vào thị trường xuất khẩu sản phẩm thô với vốn đầu tư thấp. Các nhà đầu tư nắm lấy “cơ hội vàng” khi không ai kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm mà chính quyền lại cho phép xây dựng ngay tại trung tâm vùng nguyên liệu sẵn có của người khác. Với quy mô hợp lý, quản lý gọn, nhẹ, năng động, không phải chăm lo cho các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, bảo hiểm cho người lao động vì hợp đồng thời vụ và cơ bản là không phải đầu tư cho nông dân mà công suất thiết bị từ đầu đến cuối vụ vẫn đảm bảo 100%, các doanh nghiệp này tất nhiên kinh doanh hiệu quả cao, tích lũy tư bản rất nhanh, tiếp tục mở rộng sang các điểm khác. Thậm chí, họ đến cả vùng nguyên liệu mà doanh nghiệp đã giao khoán cho các hộ gia đình công nhân để đầu tư xây dựng xưởng chế biến vì công nhân nhận khoán sẵn sàng bán nguyên liệu cho họ vì họ ở gần không mất công vận chuyển và nhất là khỏi phải bị đánh giá phẩm cấp theo Tiêu chuẩn Việt Nam và chưa bị trừ nợ đầu tư ứng trước. Khi đã có tiền lệ, hàng loạt doanh nghiệp chế biến nhỏ ra đời rất nhanh theo Luật Doanh nghiệp tại các vùng chuyên canh NSTP. Sự mất cân đối nghiêm trọng giữa sản xuất nguyên liệu và chế biến NSTP bùng nổ từ đây. Chỉ riêng ngành chè, theo Hiệp Hội Chè Việt Nam, thì tổng công suất các cơ sở chế biến gấp 2 lần khả năng

cung ứng chè búp tươi mà chủ yếu do nông dân sản xuất ra. Hậu quả là chất lượng chè càng ngày càng giảm sút, giá xuất khẩu càng ngày càng giảm, các doanh nghiệp đều cùng thiếu nguyên liệu trong thời điểm chính vụ chè. Cây chè bị tận thu mà ít được đầu tư, chăm sóc và mặc dù được bán chè nguyên liệu không hạn chế nhưng đời sống người làm chè nói chung không khá lên nhiều.

Cũng có những nhà đầu tư đầu tư cho công nghiệp chế biến một cách bài bản, kể cả đầu tư cho nông dân, nhưng với tình trạng như trên thì họ cũng phải cùng chung số phận với các nhà đầu tư đi trước.

Một nguyên nhân khác là *chưa có sự quan tâm thỏa đáng của Nhà nước về việc thiết lập lại mối quan hệ chặt chẽ giữa các hộ gia đình sản xuất với các doanh nghiệp chế biến NSTP*. Trên thực tế đã có nhiều ý kiến của các hiệp hội ngành hàng thông qua diễn đàn, các phương tiện thông tin đại chúng, các văn bản kiến nghị về sự cần thiết phải *thiết lập lại* và tăng cường mối quan hệ này. Một số địa phương cũng đã có những nghị quyết, quyết định thực hiện, nhưng không có giải pháp cụ thể, không có lộ trình và con người thực thi, vì thế đến nay vấn đề cũng chỉ ở trong hồ sơ của các cấp, các ngành mà thôi. Hiện tượng nông dân “trồng - chặt, đốt - trồng lại - chặt, đốt...” vẫn thường xuyên xảy ra ở tất cả các loại NSTP. Rất may là điều này chưa bao giờ xảy ra ở các địa bàn có các doanh nghiệp chế biến được Nhà nước quy hoạch và giao cho vùng nguyên liệu cụ thể mà doanh nghiệp đó đang tồn tại.

3. Một số kiến nghị chính sách

Để phát huy thế mạnh của cả hệ thống sản xuất kinh doanh hàng NSTP trong chuỗi giá trị sản xuất - chế biến - tiêu thụ, tạo cơ hội cho cả hệ thống vận hành theo cơ chế thị trường, bảo vệ được quyền lợi cho nhau, cùng tồn tại và phát triển, đặc biệt là quyền lợi chính đáng lâu dài và bền vững của nông dân, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, cần phải xem xét lại toàn bộ hệ thống sản xuất kinh doanh trong ngành

NSTP, phát hiện hết những bất cập, tìm giải pháp thích ứng ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Với góc độ của người hoạt động thực tiễn, tác giả xin có một số kiến nghị như sau:

Đối với các cơ quan Trung ương:

- Cần rà soát lại và có chế tài cụ thể trong Luật Cạnh tranh, nhằm tạo cơ hội cho doanh nghiệp nào làm ăn giỏi, có thể thôn tính các doanh nghiệp khác, thông qua việc mua cổ phần hoặc mua toàn bộ giá trị doanh nghiệp, nhưng không để xảy ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh làm các doanh nghiệp cùng bị thiệt hại, đặc biệt là không được làm tổn hại đến lợi ích lâu dài của người nông dân.

- Cần rà soát lại và có chế tài cụ thể trong Luật Đầu tư. Đối với các doanh nghiệp đầu tư cơ sở chế biến NSTP tươi sống cần phải bổ sung “điều kiện” là “phải có vùng nguyên liệu cụ thể”. Nhà nước có thể giao đất, cho thuê đất để doanh nghiệp tự sản xuất, hoặc doanh nghiệp cũng có thể chỉ thu mua của nông dân, nhưng với điều kiện phải được khoanh vùng lãnh thổ hợp lý để doanh nghiệp đầu tư cho nông dân tạo có vùng nguyên liệu ổn định cho doanh nghiệp.

Đối với các chính quyền địa phương:

+ Mặc dù Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư không nêu những điều kiện cụ thể phải có vùng nguyên liệu mới được xây dựng nhà máy, nhưng trên thực tế, nếu không có vùng nguyên liệu cụ thể mà cấp giấy phép đầu tư xây dựng nhà máy chế biến NSTP sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp “tiêu diệt” lẫn nhau. Đối với vùng nguyên liệu đã có cơ sở chế biến, cần tạo cơ chế, cung cấp thông tin và tạo cơ hội cho các nhà đầu tư mua cổ phần để mở rộng quy mô vùng nguyên liệu và nâng công suất máy móc thiết bị, hoặc mua lại doanh nghiệp. Cần có biện pháp khoanh đất, khoanh vùng cho nhà đầu tư đầu tư vùng nguyên liệu trước khi xây dựng nhà máy chế biến NSTP.

+ Tổ chức rà soát lại vùng nguyên liệu của từng cơ sở chế biến, phân định ranh giới cụ thể cho từng doanh nghiệp đến từng hộ

nông dân; yêu cầu các doanh nghiệp trực tiếp ký hợp đồng với từng hộ nông dân theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ về đầu tư và tiêu thụ nông sản cho nông dân.

+ Cần tiến hành công tác quy hoạch, thiết kế cụ thể các khu sản xuất - chế biến NSTP cùng với hệ thống phụ trợ và phục vụ, kết hợp với vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, nhà - vườn, nhà nghỉ cuối tuần ngoài khu đất doanh nghiệp trực tiếp canh tác; có thể quy hoạch cả vùng đất của nông dân trên địa bàn để doanh nghiệp đầu tư và thu mua NSTP, vì thực tế hiện nay không dễ gì thu đất của nông dân để giao toàn quyền sử dụng cho doanh nghiệp.

+ Việc bố trí từng vùng nguyên liệu cụ thể cho doanh nghiệp sẽ tạo cơ hội gắn bó doanh nghiệp với các hộ nông dân sản xuất NSTP nhưng cũng sẽ dễ làm phát sinh ra độc quyền, dễ gây ra hiện tượng ép cấp, ép giá đối với nông dân. Do đó, chính quyền địa phương cần tạo cơ hội, phối hợp các cơ quan nhà nước hữu quan, với các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn, nhất là các cơ sở Hội nông dân, chi hội của Hiệp hội NSTP trên địa bàn để hướng dẫn, tư vấn miễn phí, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục các doanh nghiệp cũng như bà con nông dân, đảm bảo hài hoà lợi ích của các bên thông qua các hợp đồng.

+ Tổ chức hoà giải, xử lý các tranh chấp giữa nông dân với doanh nghiệp một cách thoả đáng. Cần tiến hành kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các quy định của pháp luật đối với tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; có thể sử dụng các công cụ về kiểm soát chất lượng gắn với vệ sinh an toàn thực phẩm, chế độ bảo hiểm, bảo hộ lao động, kiểm soát chi phí để tính thuế nhằm hạn chế phát sinh mặt trái của cơ chế thị trường do các doanh nghiệp gây ra. Đồng thời, tạo cơ hội cho bà con nông dân nhận thức đúng, đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi, cũng như các quyền của mình, trong đó có quyền biểu tình, bãi thị, tẩy chay, bất hợp tác, và nhất là quyền được

bồi thường nếu mình thực hiện đúng mà doanh nghiệp vi phạm hợp đồng.

+ Phối hợp với doanh nghiệp chế biến được giao vùng nguyên liệu để tạo cơ hội thuận lợi cho nông dân tham gia, thành lập các hợp tác xã chuyên canh NSTP với quy mô thích hợp với từng địa bàn, trên cơ sở doanh nghiệp là người đỡ đầu. Hợp tác xã tổ chức và hoạt động tương tự công ty cổ phần về lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp. Điều này sẽ tạo cơ hội cho nông dân có thêm việc làm, đồng thời trên cơ sở chuyên môn hoá sẽ góp phần tăng năng suất lao động, tăng thu nhập, hạ giá thành NSTP.

Đối với các doanh nghiệp thu mua, chế biến và tiêu thụ NSTP

Để có nguồn nguyên liệu ổn định về số lượng và chất lượng, có cơ hội nâng cao sức cạnh tranh, thì phải có vùng nguyên liệu cụ thể, phải chấp nhận tính thời vụ trong nông nghiệp. Phải tiến hành đầu tư cho nông dân một cách bài bản và nếu nông dân không thể đáp ứng được yêu cầu của mình thì chính doanh nghiệp phải cải tổ lại. Còn nếu vùng đất nào đó không có lợi thế sản xuất mặt hàng NSTP mà doanh nghiệp kinh doanh, thì phải thay đổi phương hướng kinh doanh, để bà con chuyển sang lĩnh vực sản xuất khác có lợi hơn cho họ. Khi đã được Nhà nước khoanh vùng nguyên liệu cụ thể, nếu doanh nghiệp không đủ năng lực đầu tư vật chất cho nông dân thì chí ít cũng phải đầu tư lao động kỹ thuật để hỗ trợ nông dân mới hy vọng có NSTP theo mong muốn để thu mua ổn định. Lúc đó, để giành thị phần tiêu thụ, các doanh nghiệp sẽ cạnh tranh nhau thông qua trình độ quản lý, công nghệ, năng lực tài chính, nâng cao chất lượng toàn diện, xây dựng thương hiệu và đặc biệt là giữ được chữ 'tín' với khách hàng. Khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới thì việc hỗ trợ kinh tế - kỹ thuật của Nhà nước cho các doanh nghiệp sẽ giảm dần và sẽ không còn, nhưng các hộ gia đình sản xuất NSTP vẫn sẽ được Nhà nước hỗ trợ thông qua việc cải thiện môi trường sản xuất, một phần chi phí đầu vào. Các doanh nghiệp (xem tiếp trang 37)

8. Giả định ở đây là nếu doanh nghiệp hoạt động ở trong khu công nghiệp/chế xuất thì được coi là có điều kiện cơ sở hạ tầng ban đầu tốt hơn so với doanh nghiệp không hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất.
9. Có thể xem một số tài liệu như Báo cáo kinh tế Việt Nam năm 2002, 2003, 2004 của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
10. Theo Nhân dân ngày 24/9/2004 (trang 2) thì cho đến nay vẫn tồn tại bất hợp lý về thuế, ảnh hưởng xấu tới ngành công nghiệp điện tử - tin học của Việt Nam. Ngành này nhập khẩu tới 80% linh kiện, phụ tùng và theo lộ trình cắt giảm thuế từ năm 2005 các mặt hàng điện tử nhập khẩu từ các nước ASEAN có hàm lượng ASEAN từ 40% trở lên nhập vào Việt Nam được hưởng ưu đãi về thuế ở

mức 0-5%. Trong khi đó, dự đoán có khoảng 70-80% linh kiện nhập khẩu từ ASEAN sẽ chịu mức thuế suất từ 15-20%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo Nhân Dân ngày 24/9/2004.
2. Một số số liệu lấy từ nguồn của Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông qua trang chủ.
3. Tổng cục Thống kê (2004, 2005), *Niên giám thống kê 2003-2005*, Nhà xuất bản Thống kê năm 2004, 2005, 2006, Hà Nội.
4. Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (2003, 2004, 2005), *Báo cáo kinh tế Việt Nam 2002, 2003, 2004*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

MỐI QUAN HỆ GIỮA SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN THỰC PHẨM...

(Tiếp theo trang 29)

cũng sẽ được hưởng lợi thành quả đó nếu gắn bó mật thiết với quyền lợi của nông dân cung ứng nguyên liệu.

Khi NSTP do nông dân sản xuất ra cung ứng cho doanh nghiệp để chế biến đã được ổn định, các doanh nghiệp sẽ tập trung liên kết với nhau trong hiệp hội ngành hàng để cùng nhau học tập kinh nghiệm quản lý và tiến bộ về khoa học công nghệ. Đặc biệt, họ sẽ tập trung sức để mở mang thị trường chung, phân chia thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, tập trung sức để cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài, liên doanh, liên kết, hợp tác với nhau cùng nghiên cứu đầu tư thiết bị công nghệ chế biến ra sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng và thiết lập các kênh phân phối cả trong và ngoài nước, nhằm nâng cao giá trị gia tăng cả nội sinh và ngoại sinh, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp và toàn ngành kinh tế - kỹ thuật, trong đó có bà con nông dân sản xuất NSTP.

Đối với các hiệp hội ngành hàng NSTP

+ Với Trung ương các Hiệp hội ngành hàng: Trên cơ sở Nghị quyết liên tịch giữa Hội Nông dân Việt Nam và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các hiệp hội chuyên ngành cần tranh thủ và phối hợp cùng với Trung ương Hội Nông dân Việt Nam để xây dựng các chương trình công tác, các dự án

liên quan đến nông dân sản xuất NSTP cung ứng cho các doanh nghiệp chế biến là các thành viên của hiệp hội mình, đồng thời, phối hợp chỉ đạo các chi hội theo ngành tranh thủ và phối hợp với các Hội nông dân ở cùng địa phương triển khai các chủ trương, nhiệm vụ công tác của hiệp hội và Trung ương Hội Nông dân giao. Hiệp hội cần tập trung vào công tác phối hợp, điều hành công tác xúc tiến thương mại chung của ngành, phân chia thị trường xuất khẩu, hạn chế tình trạng tranh, giành khách hàng của nhau bằng mọi thủ đoạn phi văn hoá doanh nghiệp, gây thiệt hại chung. Cần tập trung, phối hợp giải quyết những vấn đề mà từng doanh nghiệp riêng lẻ không làm được, hoặc làm được nhưng hiệu quả thấp hơn là sử dụng sức mạnh của toàn ngành và tập trung chỉ đạo thực hiện theo điểm ở một địa phương cụ thể: mỗi nhà máy chế biến NSTP có một vùng nguyên liệu cụ thể, từ đó nhân rộng ra toàn ngành của mình.

+ Với các chi hội ngành NSTP: Tranh thủ và phối kết hợp với Hội Nông dân và các tổ chức Chính trị, chính trị - xã hội tại địa phương để thực hiện chủ trương, nhiệm vụ Hiệp hội ngành hàng NSTP giao và những vấn đề bức xúc của các hội viên. Cần xác định hộ nông dân sản xuất NSTP là đối tượng phục vụ của chi hội. □